TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HN-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 2018/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, quyền nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà **T**, sinh năm 1977 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường B, KDC B, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **C**, sinh năm 1978 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: đường 30/4, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn – Bà T trình bày*:

Trước đây do quen biết và tìm hiểu nên bà và ông C tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, vào năm 2006 giữa bà và ông C đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số: 184/2006/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2006 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đến năm 2010, bà và ông C đoàn tụ nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, lý do

vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, sau nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy không thể có một cuộc sống hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới của mình. Tuy nhiên, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung có 02 cháu: A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002) và cháu B (Giới tính nam, sinh ngày 14/8/2012). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai cháu, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng (Đối với cháu A thay đổi mức cấp dưỡng từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 03/4/2018 ông C trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, do mâu thuẫn giữa ông và bà T không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau nên ông thống nhất với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung có 02 cháu: A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002) và cháu B (Giới tính nam, sinh ngày 14/8/2012). Khi ly hôn, sẽ do bà T trực tiếp nuôi hai cháu, ông đồng ý cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng (Đối với cháu A thay đổi mức cấp dưỡng từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà T và ông C chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con chung và yêu thay đổi mức cấp dưỡng đối với con chung T. Quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, quyền nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo

quy định tại khoản 5, 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông C có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Việc bà T và ông C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có 02 cháu: A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002) và cháu B (Giới tính nam, sinh ngày 14/8/2012).

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 184/2006/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2006 thì bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002), ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu A 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Xét theo yêu cầu khởi kiện bà T chỉ yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cháu A từ 2.000.000 đồng/tháng lên 5.000.000 đồng/tháng, không yêu cầu thay đổi người nuôi con. Vì vậy, HĐXX chỉ xem xét về thay đổi mức cấp dưỡng đối với cháu A, bà T tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 184/2006/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2006 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ theo nội dung Biên bản hòa giải ngày 11/4/2018 các đương sự đã thỏa thuận được như sau:

- *Về con chung có 02 cháu*: A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002) và cháu B (Giới tính nam, sinh ngày 14/8/2012). Khi ly hôn, sẽ do bà T trực tiếp nuôi hai cháu, ông C sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng. Đối với cháu A, ông C đồng ý thay đổi mức cấp dưỡng từ 2.000.000 đồng/tháng lên 5.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C và bà T khai thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Xét thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bị đơn chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5, 7, 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông C.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Về con chung có 02 cháu*: A (Giới tính nữ, sinh ngày 03/7/2002) và cháu B (Giới tính nam, sinh ngày 14/8/2012).

Bà T được quyền trực tiếp nuôi cháu B và tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần A theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 184/2006/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2006 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng*: Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A và cháu B, mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi đủ 18 tuổi. Trong đó, đối với cháu A là thay đổi mức cấp dưỡng từ 2.000.000 đồng/tháng lên thành 5.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004812 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí, bà T đã nộp xong. Ông C chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng